

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 126/203/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ Công nghiệp và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4800129232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20 tháng 01 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 20 tháng 01 năm 2020, Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn Upcom từ ngày 01/12/2015. Mã giao dịch: KCB.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch (Bầu ngày 24/6/2021)
Ông Bùi Tiến Hải	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24/6/2021)
Ông Trần Văn Chương	Thành viên
Ông Đặng Văn Lâm	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Chiêm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/6/2021)
Ông Hà Ngọc Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Long	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Đặng Giang Nam	Thành viên
Ông Đàm Nông Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24/6/2021)

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Chương	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hào	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Hữu Chiêm	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 

Trần Văn Chương

Giám đốc

Cao Bằng, ngày 07 tháng 3 năm 2022



Số: 103/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được lập ngày 07/3/2022, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính tổng hợp vào ngày 26/02/2021.



A blue handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0496-2018-137-1

Vũ Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 3011-2022-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		73.498.515.300	50.129.857.168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.801.689.798	1.507.122.408
1. Tiền	111	5.1	801.689.798	1.507.122.408
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.192.877.641	25.243.034.872
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.646.732.078	21.212.005.657
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		740.075.546	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.140.169.485	4.365.128.683
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(334.099.468)	(334.099.468)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	7.295.446.014	23.342.213.482
1. Hàng tồn kho	141		11.711.412.129	26.126.533.951
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.415.966.115)	(2.784.320.469)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.501.847	37.486.406
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	208.501.847	37.486.406
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+ 240+250+260)	200		36.123.626.118	46.531.958.929
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.130.178.510	8.598.995.432
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.130.178.510	8.598.995.432
II. Tài sản cố định	220		22.390.251.172	24.340.248.116
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	21.915.105.172	23.865.102.116
- Nguyên giá	222		204.234.446.616	199.874.446.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.319.341.444)	(176.009.344.500)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	475.146.000	475.146.000
- Nguyên giá	228		587.786.000	587.786.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(112.640.000)	(112.640.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.289.696.894	9.440.453.710
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	7.289.696.894	9.440.453.710
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	105.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	105.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.313.499.542	4.047.261.671
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	5.313.499.542	4.047.261.671
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		109.622.141.418	96.661.816.097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		24.898.731.954	29.772.160.395
I. Nợ ngắn hạn	310		23.220.731.954	28.809.160.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	8.169.013.020	10.335.481.322
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	300.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.266.681.883	2.284.780.989
4. Phải trả người lao động	314		6.089.509.518	4.142.612.070
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		29.869.863	10.075.691
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	768.096.765	1.424.277.672
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	2.050.000.000	6.445.349.389
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.847.560.905	3.866.583.262
II. Nợ dài hạn	330		1.678.000.000	963.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	28.000.000	13.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	1.650.000.000	950.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		84.723.409.464	66.889.655.702
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	77.072.249.861	58.498.061.299
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.555.080.261	5.555.080.261
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		779.600.000	779.600.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.262.430.400)	(27.836.618.962)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(27.836.618.962)	(29.872.190.035)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.574.188.562	2.035.571.073
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.651.159.603	8.391.594.403
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	5.17	7.651.159.603	8.391.594.403
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		109.622.141.418	96.661.816.097

Cao Bằng, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Cung Lê Hoàng

Cung Lê Hoàng

Trần Văn Chương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	123.690.189.979	60.624.630.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		123.690.189.979	60.624.630.247
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	86.439.943.208	50.991.608.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		37.250.246.771	9.633.022.239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.767.412.674	5.901.975
7. Chi phí tài chính	22	6.4	886.468.569	573.866.812
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		645.464.402	573.866.812
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	2.048.491.259	1.361.991.382
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	16.738.045.685	8.056.264.174
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		19.344.653.932	(353.198.154)
11. Thu nhập khác	31	6.6	18.000.000	2.565.384.452
12. Chi phí khác	32	6.6	788.465.370	176.615.225
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(770.465.370)	2.388.769.227
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		18.574.188.562	2.035.571.073
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		18.574.188.562	2.035.571.073
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.321,77	254,45

Cao Bằng, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Cung Lê Hoàng

Kế toán trưởng



Cung Lê Hoàng

Giám đốc





Trần Văn Chương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.574.188.562	2.035.571.073
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.569.562.144	5.536.481.045
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.513.339.852)	(1.354.979.475)
- Chi phí lãi vay	06		645.464.402	573.866.812
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.275.875.256	6.790.939.455
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.481.025.847)	(15.237.234.382)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.046.767.468	4.452.727.191
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		880.988.962	3.981.488.488
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.437.253.312)	(2.708.373.012)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(448.775.600)	(569.530.162)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.836.576.927	(3.289.982.422)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.360.000.000)	(98.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.049.077.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(105.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		105.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.513.339.852	5.901.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.846.660.148)	956.279.475
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.880.176.674	7.271.015.845
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.575.526.063)	(4.725.666.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.695.349.389)	2.545.349.389
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		14.294.567.390	211.646.442
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.507.122.408	1.295.475.966
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	15.801.689.798	1.507.122.408

Cao Bằng, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Cung Lê Hoàng

Kế toán trưởng



Cung Lê Hoàng

Giám đốc



Trần Văn Chương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng tiền thân là Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 126/203/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ Công nghiệp và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4800129232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20 tháng 01 năm 2020.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 20 tháng 01 năm 2020, Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng*).

Địa chỉ Trụ sở chính: Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn Upcom từ ngày 01/12/2015. Mã giao dịch: KCB.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 173 người (Tại ngày 31/12/2020 là 170 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Khảo sát, thăm do địa chất các loại khoáng sản (kể cả đá quý và vàng);
- Khai thác, tuyển luyện, gia công, chế biến kinh doanh, xuất khẩu khoáng sản, vàng, bạc, đá quý, kim loại, nước khoáng và vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông và công trình hạ tầng;
- Sản xuất thủy điện xây dựng đường dây và trạm trung thế, hạ thế.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là khai thác kinh doanh khoáng sản; Sản xuất tiêu thụ sản phẩm luyện kim; sản xuất và kinh doanh các dịch vụ thương mại khác như nước lọc, chè đóng hộp các loại.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Công ty được giảm lãi suất tiền vay theo quy định Ngân hàng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 01 chi nhánh trực thuộc như sau:

TT	Đơn vị trực thuộc	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh chính
1	Xí nghiệp Chè đắng	Cao Bằng	Sản xuất kinh doanh thương mại các sản phẩm chè, nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Công ty sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn và Phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, Quyền sử dụng đất không có thời hạn thể hiện theo nguyên giá.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 07 năm.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 12 tháng.

Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá Thiếc thời, chè đắng và nước suối Pác Bó đóng chai.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và tiền lãi phải trả cho người mua đã trả trước tiền mua hàng cho Công ty theo hợp đồng mua bán thành phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm thiếc thỏi và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	242.596.797	148.720.317
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	559.093.001	1.358.402.091
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
Tổng	15.801.689.798	1.507.122.408

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng **VIETINBANK** Chi nhánh Cao Bằng, lãi suất 3,3%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại Ngân hàng **VIETINBANK** Chi nhánh Cao Bằng, lãi suất 3,7%/năm.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	36.646.732.078	21.212.005.657
Công ty CP Khoáng sản Đông Dương	-	17.648.124.219
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	3.341.884.920	264.439.798
Công ty TNHH MTV Chiến Bình Cao Bằng	1.013.970.976	885.670.976
Công ty TNHH MTV Mỏ và Luyện kim Thái nguyên	25.364.165.170	43.893.056
Các đối tượng khác	6.926.711.012	2.369.877.608
Tổng	36.646.732.078	21.212.005.657

*Phải thu của khách hàng là các bên liên quan
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)*

3.341.884.920	447.359.418
----------------------	--------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	3.140.169.485	-	4.365.128.683	-
Tạm ứng	633.252.644	-	888.899.856	-
Phải thu các cá nhân theo biên bản Kiểm tra Quyết toán của Kiểm toán	354.022.528	-	354.022.528	-
Nhà nước Nguyễn Trọng Phùng	50.000.000	-	50.000.000	-
Phải thu tiền thuê đất Nà Lũng của Công-ty CP Cân Hà	1.303.188.729	-	1.408.293.654	-
Phải thu tiền khấu hao TSCĐ Nà Lũng của Công ty CP Cân Hà	-	-	1.093.786.524	-
Các đối tượng khác	799.705.584	-	570.126.121	-
Dài hạn	1.130.178.510	-	8.598.995.432	-
Ký cược, ký quỹ (i)	1.130.178.510	-	8.598.995.432	-
Tổng	4.270.347.995	-	12.964.124.115	-

(i) Ký quỹ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH mậu dịch khoáng sản Hồng Hoa	150.703.952	-	150.703.952	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Quang Thành Đạt	93.554.700	-	93.554.700	-
Công ty than cốc và khoáng sản Việt Trung	66.777.892	-	66.777.892	-
Các khoản khác	23.062.924	-	23.062.924	-
Tổng	334.099.468	-	334.099.468	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.025.882.941	-	7.073.811.590	-
Công cụ, dụng cụ	224.356.803	-	407.534.726	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.911.538	-	5.763.749.741	-
Thành phẩm	6.428.260.847	(4.415.966.115)	12.881.437.894	(2.784.320.469)
Tổng	11.711.412.129	(4.415.966.115)	26.126.533.951	(2.784.320.469)

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	208.501.847	37.486.406
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	7.166.667	15.499.000
- Giấy phép khai thác thủy điện (TT quan trắc)	160.000.000	-
- Các khoản khác	41.335.180	21.987.406
Dài hạn	5.313.499.542	4.047.261.671
- Chi phí dự án khai thác tận thu 16 phần.	2.883.303.845	3.669.659.439
- Chi phí Sửa chữa máy khoan ECM	-	92.682.385
- Sân nền, tường bao khu văn phòng	-	100.765.907
- Chi phí đại tu tổ máy số 1 thủy điện Nà Ngàn	-	145.222.196
- Chi phí di chuyển lắp đặt Tuyển thô 2-TLP	891.112.920	-
- Chi phí điều chỉnh dự án khai thác TLP (2020-2025)	474.626.612	-
- Chi phí di chuyển lắp đặt xường tuyển TLP số 3	816.546.229	-
- CP sửa chữa tổ máy 2- Thủy điện Tà Sa	228.066.666	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	19.843.270	38.931.744
Tổng	5.522.001.389	4.084.748.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	94.084.232.738	68.560.053.689	36.387.786.904	797.373.285	45.000.000	199.874.446.616
Tăng trong năm	-	4.360.000.000	-	-	-	4.360.000.000
Mua trong năm	-	4.360.000.000	-	-	-	4.360.000.000
Số dư tại 31/12/2021	<u>94.084.232.738</u>	<u>72.920.053.689</u>	<u>36.387.786.904</u>	<u>797.373.285</u>	<u>45.000.000</u>	<u>204.234.446.616</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	79.152.615.562	60.668.258.306	35.378.097.347	765.373.285	45.000.000	176.009.344.500
Tăng trong năm	1.764.586.392	3.527.720.995	1.009.689.557	8.000.000	-	6.309.996.944
Khấu hao trong năm	1.024.151.592	3.527.720.995	1.009.689.557	8.000.000	-	5.569.562.144
Khấu hao tài sản hình thành từ nguồn kinh phí	740.434.800	-	-	-	-	740.434.800
Số dư tại 31/12/2021	<u>80.917.201.954</u>	<u>64.195.979.301</u>	<u>36.387.786.904</u>	<u>773.373.285</u>	<u>45.000.000</u>	<u>182.319.341.444</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	<u>14.931.617.176</u>	<u>7.891.795.383</u>	<u>1.009.689.557</u>	<u>32.000.000</u>	-	<u>23.865.102.116</u>
Số dư tại 31/12/2021	<u>13.167.030.784</u>	<u>8.724.074.388</u>	-	<u>24.000.000</u>	-	<u>21.915.105.172</u>

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2021: 6.720.896.515 đồng (tại ngày 31/12/2020: 3.915.377.995 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 159.206.689.285 đồng (Tại ngày 31/12/2020: 159.206.689.285 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	70.000.000	517.786.000	587.786.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>70.000.000</u>	<u>517.786.000</u>	<u>587.786.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	70.000.000	42.640.000	112.640.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>70.000.000</u>	<u>42.640.000</u>	<u>112.640.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2021	-	475.146.000	475.146.000
Số dư tại 31/12/2021	-	<u>475.146.000</u>	<u>475.146.000</u>

Trong đó: Nguyên giá quyền sử dụng đất có thời hạn là: 42.640.000 đồng, nguyên giá quyền sử dụng đất không thời hạn là: 475.146.000 đồng.

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Thủy điện Tà Sa 2 (*)	-	591.748.325
Khu chung cư Nà Cáp (*)	-	120.073.482
Dự án cải tạo Mỏ sắt Nà Lũng (*)	900.378.739	900.378.739
Dự án thi công mặt bằng Lò Fê rô (Thân quặng 3B)(*)	3.463.240.990	3.463.240.990
Dự án điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu bãi thải TLP 2020 - 2025	-	272.036.364
Mỏ thiếc Sa Khoáng Nậm Kép	2.246.547.166	2.246.547.166
Dự án đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng (*)	176.039.091	176.039.091
Dự án đóng cửa Mỏ Khu Đông	-	441.558.091
Dự án bãi thải khu tây	503.490.908	-
Thi công di chuyển lấp đặt tuyến thô số 2 thập lục phần	-	1.214.627.989
Công trình: mương thoát nước mặt khu Thân quặng 3 A Mỏ sắt NL	-	10.000.000
Lò luyện thiếc	-	4.203.473
Tổng	<u>7.289.696.894</u>	<u>9.440.453.710</u>

(*) Dự án đang tạm dừng và chờ Hội đồng Quản trị xem xét xử lý. Trong năm Công ty đã xử lý huỷ 02 dự án không thực hiện đưa vào chi phí trong năm: “Dự án Thủy điện Tà Sa 2” và “Dự án Khu chung cư Nà Cáp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn		
Nguyễn Cao Hải	-	300.000.000
	-	300.000.000
Tổng	-	300.000.000

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	2.284.780.989	16.815.740.998	15.833.840.104	3.266.681.883
Thuế giá trị gia tăng	1.055.368.115	6.981.826.815	5.364.221.450	2.672.973.480
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.850.000	3.850.000	-
Thuế tài nguyên	697.668.677	5.535.795.638	5.930.847.729	302.616.586
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.311.840.303	2.311.840.306	(3)
Các loại thuế khác	331.452.000	1.605.182.820	1.889.007.000	47.627.820
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	200.292.197	377.245.422	334.073.619	243.464.000

5.13 Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	768.096.765	1.424.277.672
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
+ <i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký</i>	264.600.000	137.400.000
+ <i>Các khoản phải trả khác nhận từ Xí nghiệp Chè Đăng thời điểm mua lại (Sở KHCN Cao Bằng - thời điểm dự án)</i>	198.817.600	198.817.600
+ <i>Tiền thưởng năng suất phải trả CB CNV</i>	-	34.473.006
+ <i>Phải trả tiền đặt cọc của Công ty CP Cân Hà (i)</i>	222.480.818	-
+ <i>Các khoản phải trả khác</i>	82.198.347	1.053.587.066
Dài hạn	28.000.000	13.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	28.000.000	13.000.000
Tổng	796.096.765	1.437.277.672

(i) Công ty CP Cân Hà đặt cọc tiền cho Công ty để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 588/2018/HĐHT/KSLKCB-CÂN HÀ ngày 15/9/2018 giữa Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng (Bên A) và Công ty CP Cân Hà (Bên B). Hai Bên hợp tác đầu tư kinh doanh khai thác, chế biến quặng sắt tại mỏ sắt Nà Lũng, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Hai Bên thành lập Ban Điều hành để quản lý và khai thác mỏ sắt Nà Lũng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	8.169.013.020	8.169.013.020	10.335.481.322	10.335.481.322
Chi nhánh Công ty CP Địa Chất Việt Bắc - TKV Xí nghiệp địa chất 109	608.199.075	608.199.075	324.624.047	324.624.047
Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Hoàng Thảo Anh	226.924.352	226.924.352	256.924.352	256.924.352
Công ty TNHH Thương mại Hoàn Hùng	530.146.517	530.146.517	530.146.517	530.146.517
Công ty TNHH xây dựng và thương mại Kim Đồng	70.000.000	70.000.000	154.787.435	154.787.435
Công ty TNHH khoáng sản & thương mại Tiến Hiếu	367.181.302	367.181.302	954.047.652	954.047.652
Công ty TNHH Xây dựng 569	-	-	629.097.122	629.097.122
Công ty CP Vật tư Thiết bị Mô Hà Nội	17.160.000	17.160.000	1.241.475.290	1.241.475.290
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	-	-	988.799.825	988.799.825
Hợp tác xã Ngọc Dư	2.116.240.597	2.116.240.597	1.370.253.539	1.370.253.539
Đối tượng khác	4.233.161.177	4.233.161.177	3.885.325.543	3.885.325.543
Tổng	8.169.013.020	8.169.013.020	10.335.481.322	10.335.481.322
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)	<i>804.458.075</i>	<i>804.458.075</i>	<i>677.509.047</i>	<i>677.509.047</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vay

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.050.000.000	2.050.000.000	6.180.176.674	10.575.526.063	6.445.349.389	6.445.349.389
- Vay Ngắn hạn	-	-	3.580.176.674	8.075.526.063	4.495.349.389	4.495.349.389
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cao Bằng</i>	-	-	3.580.176.674	8.075.526.063	4.495.349.389	4.495.349.389
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.050.000.000	2.050.000.000	2.600.000.000	2.500.000.000	1.950.000.000	1.950.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cao Bằng</i>	2.050.000.000	2.050.000.000	2.600.000.000	2.500.000.000	1.950.000.000	1.950.000.000
Vay dài hạn	1.650.000.000	1.650.000.000	3.300.000.000	2.600.000.000	950.000.000	950.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cao Bằng</i>	1.650.000.000	1.650.000.000	3.300.000.000	2.600.000.000	950.000.000	950.000.000
Tổng	3.700.000.000	3.700.000.000	9.480.176.674	13.175.526.063	7.395.349.389	7.395.349.389

Thông tin về các khoản vay

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Cao Bằng:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 015/2021- HĐCVHM/NHCT186-CTCP KS&LKCB ngày 27/4/2021, hạn mức tối đa là 5 tỷ đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay đến hết ngày 27/4/2022, lãi suất vay thả nổi có điều chỉnh, biện pháp đảm bảo tài sản theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp động sản số 030.2014/HĐTC-KHDN ngày 07/02/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất Số 028/2014/HĐTC-KHDN ngày 05/12/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 003/2015/HĐTC-KHDN ngày 23/01/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất Số 020/2015/HĐTC-KHDN ngày 27/7/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Vay (Tiếp theo)

- Khoản vay Dài hạn cho Dự án đầu tư theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 016.2021.HĐTD ngày 27/4/2021, Số tiền vay tối đa là: 3.300.000.000 đồng, mục đích vay dùng để thanh toán các khoản chi phí đầu tư máy xúc đào gầu ngược bánh xích. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên, lãi suất thả nổi có điều chỉnh của bên cho vay theo từng thời kỳ, Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản sau đầu tư của Dự theo hợp đồng thế chấp tài sản số 004/HĐBĐ/NHCT186-KHDN ngày 26/4/2021 và hợp đồng thế chấp tài sản số 005/HĐBĐ/NHCT186-KHDN ngày 26/4/2021.

5.16 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	80.000.000.000	5.555.080.261	779.600.000	(29.872.190.035)	56.462.490.226
Tăng trong năm	-	-	-	2.035.571.073	2.035.571.073
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.035.571.073	2.035.571.073
Số dư tại 31/12/2020	80.000.000.000	5.555.080.261	779.600.000	(27.836.618.962)	58.498.061.299
Số dư tại 01/01/2021	80.000.000.000	5.555.080.261	779.600.000	(27.836.618.962)	58.498.061.299
Tăng trong năm	-	-	-	18.574.188.562	18.574.188.562
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.574.188.562	18.574.188.562
Số dư tại 31/12/2021	80.000.000.000	5.555.080.261	779.600.000	(9.262.430.400)	77.072.249.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty khoáng sản KTV - CTCP	41.508.690.000	41.508.690.000
Cổ đông khác	38.491.310.000	38.491.310.000
Tổng	80.000.000.000	80.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.555.080.261	5.555.080.261
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	779.600.000	779.600.000

5.17 Nguồn hình thành tài sản cố định

Tại ngày 31/12/2021, nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định là giá trị còn lại của Hạng mục nợ vớt khôi phục Tuynel thoát nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cấp từ nguồn tập trung của Tập đoàn, cụ thể như sau:

Nguyên giá:	13.476.636.136 đồng
Hao mòn lũy kế đến 31/12/2021:	5.825.476.533 đồng
Giá trị còn lại đến 31/12/2021:	7.651.159.603 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	121.828.256.846	59.947.539.339
Doanh thu cung cấp dịch vụ	726.590.909	677.090.908
Doanh thu khác	1.135.342.224	-
Tổng	123.690.189.979	60.624.630.247
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>12.428.187.927</i>	<i>10.312.587.432</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn thành phẩm	83.500.427.821	50.329.684.045
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.042.767.980	661.923.963
Giá vốn khác	896.747.407	-
Tổng	86.439.943.208	50.991.608.008

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	1.513.339.852	5.901.975
Cổ tức lợi nhuận được chia	254.072.822	-
Tổng	1.767.412.674	5.901.975

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	645.464.402	573.866.812
Chi phí hoạt động tài chính khác	241.004.167	-
Tổng	886.468.569	573.866.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.738.045.685	8.056.264.174
Chi phí nhân viên quản lý	5.284.111.473	3.442.502.092
Chi phí vật liệu quản lý	491.323.767	361.582.111
Chi phí đồ dùng văn phòng	210.172.851	166.855.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	88.842.290	88.842.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.179.414.503	292.907.303
Chi phí bằng tiền khác	8.484.180.801	3.703.575.368
Chi phí bán hàng	2.048.491.259	1.361.991.382
Chi phí nhân viên quản lý	1.613.883.800	1.078.938.479
Chi phí vật liệu quản lý	26.794.670	23.461.130
Chi phí khác bằng tiền	407.812.789	259.591.773

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	-	1.496.784.452
Hỗ trợ quỹ phúc lợi từ cấp trên	-	1.068.600.000
Thu nhập khác	18.000.000	-
Tổng	18.000.000	2.565.384.452
Chi phí khác		
Nộp tiền phạt chậm nộp thuế	3.850.000	163.615.225
Khấu hao Px Sắt Nà Lũng dừng sản xuất	27.467.982	-
Chi phí khác	757.147.388	13.000.000
Tổng	788.465.370	176.615.225
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(770.465.370)	2.388.769.227

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.574.188.562	2.035.571.073
Các khoản điều chỉnh tăng	3.850.000	163.615.225
<i>chi phí không được trừ</i>	<i>3.850.000</i>	<i>163.615.225</i>
Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Lỗ năm trước chuyển sang</i>	<i>(18.578.038.562)</i>	<i>(2.199.186.298)</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
<i>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	18.574.188.562	2.035.571.073
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.574.188.562	2.035.571.073
Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.321,77	254,45

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.159.740.848	43.881.039.239
Chi phí nhân công	24.170.933.113	15.750.837.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.088.126.883	5.536.481.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.103.832.993	3.019.069.489
Chi phí khác bằng tiền	27.744.733.475	14.258.591.566
Tổng	98.267.367.312	82.446.018.554

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị	Lương và thù lao	175.500.000	150.360.000
Bùi Tiến Hải	Thù lao	21.600.000	28.800.000
Lý Xuân Tuyên	Thù lao	21.600.000	-
Trần Văn Chương	Thù lao	37.800.000	17.400.000
Đặng Văn Lâm	Thù lao	37.800.000	12.600.000
Đỗ Hữu Chiêm	Thù lao	18.900.000	4.800.000
Hà Ngọc Bình	Thù lao	37.800.000	24.000.000
Nguyễn Minh Tâm	Thù lao	-	62.760.000
Ban kiểm soát	Thù lao	89.100.000	36.600.000
Nguyễn Thanh Long	Thù lao	37.800.000	25.200.000
Đặng Giang Nam	Thù lao	34.200.000	11.400.000
Đàm Nông Minh	Thù lao	17.100.000	-
Ban Giám đốc	Lương	950.400.000	481.700.000
Trần Văn Chương	Lương	345.600.000	184.800.000
Nguyễn Tiến Hào	Lương	302.400.000	157.200.000
Đỗ Hữu Chiêm	Lương	302.400.000	139.700.000
Tổng		1.215.000.000	668.660.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Mua hàng		453.543.664	1.078.659.139
Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang	Mua dịch vụ	93.935.955	43.218.182
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Mua nguyên vật liệu	-	786.440.957
Chi nhánh Công ty CP Địa Chất Việt Bắc - TKV Xí nghiệp địa chất 109 (Công ty Thăm do Khai thác Khoáng sản 109 Sơn Dương đổi tên)	Mua dịch vụ	260.007.709	-
Viện Khoa học Công Nghệ Mỏ	Mua dịch vụ	99.600.000	249.000.000

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Bán hàng		12.428.187.927	10.312.587.432
Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Tiền hàng hóa	315.000.000	564.000.000
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Tiền hàng hóa	11.864.635.200	9.700.637.432
Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang	Tiền hàng hóa	21.552.727	47.950.000
Tổng Công ty Khoáng sản TKV- CTCP	Tiền hàng hóa	227.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		3.341.884.920	447.359.418
Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền Lào Cai	Phải thu khách hàng	-	157.411.620
Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Phải thu khách hàng	3.341.884.920	264.439.798
Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang	Phải thu khách hàng	-	25.508.000

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải trả người bán		804.458.075	677.509.047
Công ty CP Du lịch và Thương mại Bằng Giang	Phải trả người bán	3.016.000	10.242.000
Chi nhánh Công ty CP Địa Chất Việt Bắc - TKV Xí nghiệp địa chất 109 (Công ty Thăm do Khai thác Khoáng sản 109 Sơn Dương đổi tên)	Phải trả người bán	608.199.075	324.624.047
Viện Khoa học Công Nghệ Mỏ		193.243.000	342.643.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
LUYỆN KIM CAO BẰNG
Phố Kim Đồng, Phường Hợp Giang, Thành phố Cao
Bằng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Cao Bằng, ngày 07 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Cung Lê Hoàng

Cung Lê Hoàng

Trần Văn Chương